

Bản án số: 73/2019/HS-PT

Ngày: 20/02/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt.

2. Ông Bùi Đức Nam.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 590/2018/HSPT ngày 26/12/2018 đối với các bị cáo Nguyễn Phước H và Nguyễn Minh A, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 201/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

1/Nguyễn Minh A; giới tính: Nam; sinh năm 1996; tại: tỉnh Đồng Nai; đăng ký hộ khẩu thường trú: 122 Khu phố X, PNT, phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Sinh viên; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị L; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến ngày 22/6/2018, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

2/Nguyễn Phước H; giới tính: Nam; sinh năm 1996; tại Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký hộ khẩu thường trú: 176/X DQH(số mới: 104/C TBG), Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Sinh viên; con ông Nguyễn Phước VP và bà Trịnh Thị PT; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

+Bị hại: Ông Nguyễn NH, sinh năm 1996; trú tại: 160/X/11 BTĐ, phường 1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn Ch; trú tại: 122 PNT, Khu phố 4, phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07h40' ngày 15/5/2018, anh Nguyễn Văn NH(sinh năm 1996; chỗ ở: 160/33/11 BTĐ, Phường 12, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) điều khiển xe gắn máy hiệu Wave biển số 76B1 - 080.10 đến bãi giữ xe số 30 Lê Lợi, Phường 4, quận GV gửi xe. Do vội nên anh NH để quên chìa khóa xe ở ổ khóa cốp xe máy (bên trong cốp xe có thẻ giữ xe). Đến khoảng 12h30' ngày 15/5/2018, anh NH phát hiện mất xe nên báo nhân viên giữ xe. Qua trích xuất dữ liệu camera thì thấy được đối tượng lấy trộm xe nên anh NH đến Công an phường 4, quận GV trình báo sự việc.

Ngày 16/5/2018, Nguyễn Minh A đến bãi giữ xe số 30 để gửi xe Honda Click biển số 60U2-1237 thì bị nhân viên giữ xe phát hiện giống đối tượng đã trộm xe của anh NH nên giữ lại và báo Công an phường 4, quận GV đưa A về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Minh A đã nhận tội và khai nhận: Khoảng 12h30' ngày 15/5/2018, A điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Click biển số 60U2-1237 vào gửi xe tại bãi giữ xe số 30 Lê Lợi và dựng xe đối diện với chiếc xe hiệu Wave 76B1 - 080.01 thì phát hiện có chìa khóa ở trên khóa yên xe liền nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài nên đi lại mở yên xe lên và thấy thẻ xe trong cốp xe. A đóng yên xe lại rồi lấy chìa khóa xe đi ra trước bãi giữ xe số 30 Lê Lợi gặp Nguyễn Phước H (vì A hẹn H tới để chở đi học) và rủ H cùng trộm chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý. A kêu H đưa chiếc áo khoác của H cho A mặc rồi đi vào trong bãi giữ xe đến chỗ chiếc xe biển số 76B1 - 080.01 lấy chìa khóa mở cốp xe lấy thẻ xe rồi trộm xe chạy ra ngoài gặp H. Sau khi chiếm đoạt được xe, A điều khiển xe vừa trộm được, còn H điều khiển xe AirBlade (không rõ biển số) của H đến đường BHN, phường 2, quận BT tìm người bán xe được 2.000.000 đồng. A cho người giới thiệu bán xe 200.000 đồng, A lấy 900.000 đồng và đưa cho H số tiền 900.000 đồng. H chở A về bãi xe để lấy xe của A. Khi bị bắt Công an thu giữ của A số tiền 800.000 đồng, A khai là tiền đã bán xe trộm được.

Qua lời khai của Nguyễn Minh A, ngày 19/7/2018, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Phước H làm việc và H đã khai nhận hành vi phạm tội được A rủ trộm chiếc xe máy gửi trong bãi giữ xe L, rồi cùng nhau đem đi bán chia được số tiền 900.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 155/KL ngày 11/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận GV kết luận: định giá qua hồ sơ xe gắn máy nêu trên có giá trị 8.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 800.000 đồng (thu giữ của A), Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng theo Phiếu nhập số 157/PNK ngày 17/7/2018.

Ông Nguyễn Văn Ch (là cha ruột của Nguyễn Minh A) đã thỏa thuận bồi thường cho anh Nguyễn Văn NH số tiền 13.000.000 đồng, anh NH đã nhận tiền và không yêu cầu gì khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 201/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm. Tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm. Tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 5, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 800.000 đồng (theo Phiếu nhập kho vật chứng số 157/PNK ngày 17/7/2018 của Công an quận GV).

- Buộc bị cáo A nộp lại 100.000 đồng, bị cáo H nộp lại 900.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-P7 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 201/2018/HSST của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng:

+Không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Phước H; không tuyên buộc bị cáo Nguyễn Minh A nộp lại 100.000 đồng và bị cáo Nguyễn Phước H nộp lại 900.000 đồng để sung quỹ Nhà nước; trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh A số tiền

800.000 đồng (bị thu giữ và đã nhập kho vật chứng theo phiếu nhập kho số 157/PNK ngày 17/7/2018);

+Tại phần quyết định của bản án tuyên bố sung “trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 201/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận GV.

Trong phần tranh luận, khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị trong thời gian luật định.

Về nội dung kháng nghị: Tại bản án số 201/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông Nguyễn Văn Ch (bố của bị cáo Nguyễn Minh A) đã bồi thường toàn bộ số tiền 13.000.000 đồng cho bị hại, nhưng phần quyết định lại tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 800.000 đồng (thu giữ của bị cáo A); buộc 02 bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính, cụ thể: bị cáo Nguyễn Minh A nộp 100.000 đồng và bị cáo Nguyễn Phước H nộp 900.000 đồng; là không đúng với hướng dẫn tại công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao và áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo H là không có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, bản án tuyên phạt các bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm nhưng phần quyết định không ghi tuyên hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách là vi phạm khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 02/2018/NQHĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và sửa bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H không tranh luận bổ sung, chỉ nói lời sau cùng xin được hưởng án treo vì đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và quyết tâm sửa chữa thành người có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phước H và Nguyễn Minh A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm như nội dung bản án sơ thẩm; phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và các chứng cứ: biên bản vụ việc, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai (bị hại và người làm chứng), bản kết luận giám định cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H đã rủ rê nhau lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút, bí mật chiếm đoạt xe gắn máy hiệu Wave biển số 76B1-080.10 của anh Nguyễn Văn NH gửi tại bãi giữ xe số 30 Lê Lợi, Phường 4, quận GV vào khoảng 07h40' ngày 15/5/2018.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt: theo bản kết luận định giá tài sản số 155/KL ngày 11/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận GV kết luận: định giá qua hồ sơ có giá trị 8.500.000 đồng.

Với giá trị tài sản chiếm đoạt và hành vi của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Phước H và Nguyễn Minh A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-P7 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 201/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận GV, là còn trong thời hạn luật định và hợp pháp.

Về nội dung kháng nghị: Xét trong giai đoạn điều tra, ông Nguyễn Văn Ch (bố của bị cáo A) đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản đối xe gắn máy hiệu Wave biển số 76B1-080.10 cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng, do các bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Phước H chiếm đoạt bán cho đối tượng không rõ lai lịch nên không thu hồi được và anh Nguyễn Văn NH không có yêu cầu bồi thường gì khác. Nhưng bản án sơ thẩm lại xác định 1.800.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính do các bị cáo tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được chia nhau tiêu xài (mỗi bị cáo 900.000 đồng) để buộc các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H nộp lại khoản tiền này tịch thu sung quỹ Nhà nước (trong đó có số tiền 800.000 đồng đã thu giữ của bị cáo A), là không đúng với hướng dẫn tại công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối

cao; và khi quyết định hình phạt áp lại dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Phước H nhưng bị cáo H không bồi thường cho bị hại là không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, phần quyết định của bản án tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H, mỗi bị cáo mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm... nhưng không tuyên hậu quả của việc các bị cáo được hưởng án treo vì phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách là có thiếu sót, vi phạm khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do đó, Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-P7 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận toàn bộ và sửa bản án sơ thẩm.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và sửa bản án sơ thẩm.

+Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

-Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(một) năm tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Giao bị cáo Nguyễn Minh A cho Ủy ban nhân dân phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 06(sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm. Tính từ ngày tuyên án tuyên án sơ thẩm.

-Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 5, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

* Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm

nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H chấp hành hình phạt tù của bản án.

+Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh A số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng - theo Phiếu nhập kho vật chứng số 157/PNK ngày 17/7/2018 của Cơ quan CSĐT Công an quận GV).

+Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Minh A và Nguyễn Phước H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho các bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận GV (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- Sở Tư pháp (1)
- THA quận GV (2)
- TAND quận GV (2)
- Công an quận GV (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh